TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 234 / 2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 11 / 8 / 2017
V/v tranh chấp "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Hoàng Nghiệp**;

Ông **Đặng Tấn Phước**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim L,** sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp P, xã P.H, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn T,** sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp P, xã P.H, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Kim L trình bày: Hôn nhân của bà với ông Huỳnh Văn T do người lớn mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 19/9/2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã P.H vào ngày 24/11/2011. Hôn nhân lúc đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không chăm lo cho gia đình mà chỉ lo cờ bạc, bà có khuyên ngăn thì ông T không nghe. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ khoảng năm 2014 đến nay. Khi ly thân gia đình hai bên cũng không đứng ra hàn gắn. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kim X sinh ngày 15/10/2011. Hiện nay cháu X đang được bà nuôi dạy, nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Huỳnh Văn T theo quy định nhưng ông T vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông T, Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông T để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp ông T.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp,Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 28/6/2017 đối với bà Nguyễn Thị Xương (mẹ ông T), kết quả thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T do mai mối, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P.H. Ông T và bà L ly thân từ năm 2014 nguyên nhân là do ông T cờ bạc, bà L có khuyên bảo nhưng không nghe. Sau này bà L đi làm tại tỉnh Bình Dương, ông T thì đi đánh bắt cá biển rất ít khi về nhà. Bà L, ông T có 01 con chung Huỳnh Thị Kim X, đang được bà L nuôi dạy tốt.

Tại phiên tòa bà L bảo lưu ý kiến. Riêng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX phát biểu: về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà L, ông T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: đề nghị HĐXX giao cháu X cho bà L nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Vê tài sản chung, nợ chung: do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp ông T có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Đồng thời, ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L, ông T có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông T thì thấy: trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa bà L, ông T đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà L xác định không còn tình cảm với ông T nên không quan tâm đến cuộc sống của nhau và bà cương quyết xin ly hôn. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà L và ông T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, muân thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thị Kim X, sinh ngày 15/10/2011. Xét thấy: từ lúc không còn chung sống cho đến nay cháu X sống với bà L, do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà L theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một bên hoặc cả hai bên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: do bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này ông T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kim L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Thị Kim X, sinh ngày 15/10/2011. Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở quyền thăm nom con chung của ông T.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một bên hoặc của cả hai bên hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do bà L không yêu cầu.

- Về án phí*:* Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010921 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà L đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

*** *Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Phú Hữu H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo